

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung, điều chỉnh Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 02/4/ 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ sản xuất tại các xã nghèo theo Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 32/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BNN ngày 26 tháng 02 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT- BLĐTBXH ngày 23 tháng 8 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn qui trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014 - 2015;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh nội dung Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm

Đồng về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ sản xuất tại các xã nghèo theo Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2015 như sau:

“2. Ngoài chính sách hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng sản xuất nêu tại Khoản 1 của Điều này; các hộ gia đình có mức sống trung bình (từ 521.000 đồng/người/ tháng đến 900.000 đồng/người/tháng), các hộ nghèo và hộ cận nghèo có đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo còn được hỗ trợ thêm các chính sách sau (nhưng tổng số tiền hỗ trợ từ năm 2009 đến nay không quá 30 triệu đồng/ hộ nghèo và 20 triệu đồng/hộ cận nghèo hoặc hộ có mức sống trung bình tại các xã nghèo):

a) Hộ có đất sản xuất dưới 01 ha được hỗ trợ kinh phí khai hoang, phục hóa đủ 01 ha đất sản xuất nông nghiệp để đưa vào trồng lúa nước, hoa màu, cây công nghiệp, cây thức ăn gia súc và một số cây trồng khác.

- Mức hỗ trợ khai hoang 10 triệu đồng/ha:

Đất khai hoang là đất đã được quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp nhưng đến trước thời điểm lập phương án khai hoang chưa giao cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

- Mức hỗ trợ phục hóa 05 triệu đồng/ha:

Đất phục hóa là đất được quy hoạch để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, đã có thời gian được sử dụng để sản xuất nông nghiệp nhưng sau đó diện tích trên không được sản xuất nên đã bị hoang hóa trở lại.

b) Được hỗ trợ thâm canh và chuyển đổi cây trồng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên đất sản xuất nông nghiệp với mức 10 triệu đồng/ha (diện tích được hỗ trợ không quá 02 ha /hộ) để mua giống, phân bón, vật tư nông nghiệp, công cụ máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Hộ không có hoặc có ít đất sản xuất nông nghiệp (dưới 0,5 ha/hộ) được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ nhưng không quá 80% nhu cầu vốn để chuyển đổi ngành nghề hoặc mua giống vật nuôi, làm chuồng trại, mua giống cỏ, mua thức ăn gia súc, gia cầm.

d) Được hỗ trợ dạy nghề với thời gian từ 01 tuần (tương đương 30 giờ) đến 01 tháng (tương đương 100 giờ) gắn với các nội dung hỗ trợ sản xuất.

Mức học phí thanh toán cho đơn vị dạy nghề là 120.000 đồng/tuần hoặc 400.000 đồng/tháng/học viên tốt nghiệp.

Người học nghề hoàn thành chương trình đào tạo được hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/tuần hoặc 300.000 đồng/tháng.

Kinh phí dành cho hỗ trợ dạy nghề không quá 15% kinh phí phân bổ hàng năm cho mỗi xã.

đ) Hộ gia đình nghèo được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất với mức vay tối đa 10 triệu đồng/hộ tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Lâm Đồng trong thời gian 2 năm để đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác của Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ sản xuất tại các xã nghèo theo Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2015 không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã nghèo và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Website CP;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT và các TV UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp;
- Như điều 3;
- Website VPUBND, TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX₃, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt